TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Đào Xuân Hải
Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh, Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Lưu Thị N-sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

2- Bị đơn: anh Nguyễn Thái H- sinh năm 1990(đề nghị xử vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của anh H:
Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1954 (có mặt)
Đều cư trú: thôn BC, xã N, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lưu Thị N trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh H vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 04-05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, anh H không quan tâm đến chị nên vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không liên lạc, thăm hỏi, quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: chị và H không có con chung. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị N giữ nguyên yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị N vào tháng 12/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu nhà anh, cuộc sống vợ chồng bình thường. Đến khoảng tháng 2/2016 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ và không về nhà anh nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi chị N về nhà bố mẹ đẻ ở thì gia đình anh có đến gọi về nhưng chị không về. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì chị N về làm dâu nhà anh chưa được bao lâu và chưa làm được gì cho gia đình anh.

Về con chung: anh và chị N không có con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh H vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của anh H là bà Ng trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H, anh H kết hôn với chị N năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường. Đến tháng 02/2016 chị N bỏ về nhà đẻ ở mà không quay lại nhà bà sinh sống nữa. Bà đến gọi nhưng chị N không về đoàn tụ cùng anh H. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh H thì bà đồng ý với yêu cầu của chị N.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, bà Ng giữ nguyên ý kiến.

Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H có nơi cư trú ở thôn BC, xã N, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N về nhà anh H cùng chung sống. Do anh H bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam, khả năng nhận thức và điều khiển

hành vi có phần hạn chế hơn người bình thường nên anh không quan tâm chị N dẫn đến tình cảm vợ chồng không gắn kết. Chị N chung sống với anh H một thời gian ngắn rồi chị bỏ về nhà đẻ ở từ tháng 02/2016 đến nay không quay về đoàn tụ với anh H nữa. Mặc dù gia đình anh H đã khuyên nhủ chị về đoàn tụ nhưng không thành. HĐXX thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị không có con chung.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: anh chị và bà Ng đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2. Về con chung, tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002100 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thế Đăng